TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Hồng

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐHPT-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990. Địa chỉ: Z, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Z, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năn 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Đình T hôn với nhau từ năm 2010 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 01/10/2010. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong

tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian là 1 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đánh bạc, không tu trí làm ăn. Vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Chị đã cho anh T cơ hội nhiều lần để anh sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đồ đạc trong nhà có giá trị anh đem cầm cố hết. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng khuyên bảo, động viên hai vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh T không thể sửa đổi. Trong đơn xin ly hôn viết tay anh T cũng đã đồng ý và ký vào đơn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Q, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 16/5/2011. Sau khi ly thân các con đang ở cùng chị B. Nguyện vọng của chị là mong muốn được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa để giải quyết, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã T hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định: Anh T, chị B kết hôn từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và cư trú tại Z, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn cùng bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh Nguyễn Đình T). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do anh T thường xuyên cờ bạc, tài sản có giá trị trong gia đình đều bị anh cầm cố, bán để lấy tiền đánh bạc. Anh T không tu trí làm ăn và quan tâm chăm sóc vợ con nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chính quyền địa phương mở phiên hòa giải cho hai vợ chồng nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tình cảm vợ chồng giữa hai bên đã không thể hàn gắn được. Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Q, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 16/5/2011. Từ khi anh chị ly thân, anh T không quan tâm gì đến các con, hiện chị B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Nguyễn Đình T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 16/5/2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Đình T trong việc tham gia các buổi làm việc tại tòa án. Tuy nhiên anh T vắng mặt mà không có lý do. Do vậy, tòa án không T hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã T hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự nhưng anh T vắng mặt lần 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, anh chị đã được UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/10/2010. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên cờ bạc không tu trí làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương và mẹ đẻ của anh T cùng những người biết sự việc đã xác định: giữa anh chị có mâu thuẫn do anh T

thường xuyên cờ bạc, bán hết tài sản có giá trị trong gia đình. Gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Việc mâu thuẫn diễn ra từ nhiều năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Nguyễn Q, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 16/5/2011. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị B nhận trách nhiệm chăm sóc giáo dục các con đến tuổi trưởng thành, từ khi anh chị ly thân các cháu ở với chị vẫn được đảm bảo cuộc sống cả về kinh tế và Nh thần. Hơn nữa anh T không quan tâm chăm sóc các con cũng không có quan điểm về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung khi Tòa án T hành giải quyết vụ án. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các cháu, xét thấy cần giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 16/5/2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị B không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B xác nhận anh chị không có tài sản chung và nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 16/5/2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002198 ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn Hát Lót;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hà